ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2688/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận sáng kiến, đề tài có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở Năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân công phụ trách lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động, thực hiện các giao dịch tài chính và thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Hướng dẫn số 8181/HD-UBND ngày 16/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn xét công nhận sáng kiến, hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học trên địa bàn TP.HCM;

Xét đề nghị của Phòng Nghiên cứu Khoa học tại Tờ trình số 122 /TTr-NCKH ngày 25 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 111 sáng kiến và 17 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đã nghiệm thu có phạm vi ảnh hưởng năm học 2024-2025 cho các cá nhân (theo danh sách đính kèm) để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng, đơn vị có liên quan và các ông bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3.;
- Đảng ủy, Hội đồng trường;
- Tập thể lãnh đạo;
- Lưu: VT,NCKH, B(5)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

PGS.TS.DS. Nguyễn Đăng Thoại

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SÁNG KIẾN

(Ban hành kèm theo Quyết định 2688/QĐ-TĐHTKPNT ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	Tên sáng kiến	Tác giả/ nhóm tác giả	Phạm vi ảnh hưởng
1	Đổi mới và cải tiến cách thức xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục", Kỷ niệm chương "Vì sức khỏe nhân dân.	Phạm Quốc Dũng (40%) Nguyễn Văn Hồng Sơn (30%) Nguyễn Thị Thanh Sơn (30%)	Cấp cơ sở
2	Ứng dụng tách chiết DNA từ tế bào niêm mạc má trong giảng dạy thực hành Sinh học phân tử cho sinh viên Răng Hàm Mặt năm thứ 2 tại Khoa RHM – Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.	Nguyễn Quốc Trưởng (34%) Đào Thị Thu Sương (33%) Lê Nguyễn Ngọc Chăm (33%)	Cấp cơ sở
3	Kết hợp phương pháp giảng dạy Mô phỏng lâm sàng tại Khoa Răng Hàm Mặt và giảng dạy thực hành tại Khoa khám bệnh, Bệnh viện RHM Trung Ương trong học phần khám và chẩn đoán vùng miệng.	Trần Kim Trinh (34%) Nguyễn Quốc Trưởng (33%) Trần Ngọc Thanh Thi (33%)	Cấp cơ sở
4	Ứng dụng Digital watermarks, Signature về an toàn dữ liệu và thực thi quyền tác giả trong hoạt động khai thác nguồn học liệu số tại Thư viện.	Đặng Chí Vũ Luân (20%) Nguyễn Văn Sự (20%) Đỗ Hoàng Minh (20%) Nguyễn Minh Đức (20%) Nguyễn Thị Lệ Thuỷ (20%)	Cấp cơ sở
5	Phát triển văn hoá đọc trong nhà trường thông qua các hoạt động tuyên truyền và giới thiệu sách.	Đặng Chí Vũ Luân (20%) Cồ Nguyễn Phương Dung(20%) Phạm Thị Cẩm Vân (20%) Lê Đức Quy (20%) Lưu Đình Phương Anh (20%)	Cấp cơ sở
6	Xây dựng phần mềm khảo sát trung tâm Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Phùng Đức Nhật (20%) Nguyễn Tuấn Kiệt (20%) Hoàng Thị Diễm Phương (20%) Huỳnh Ngọc Phước (20%) Trần Huy Hùng (20%)	Cấp cơ sở
7	Triển khai đánh giá hiệu quả áp dụng mô phỏng bệnh nhân ảo (A.I) hỗ trợ học kỹ năng giao tiếp cơ bản trên sinh viên Y2 trước khi thực hành giao tiếp trên bệnh nhân chuẩn (người thật).	Trịnh Trung Tiến (20%) Nguyễn Thái Cường (20%) Cao Tấn Tải (20%) Nguyễn Anh Duy (20%) Mai Trần Thái Pháp (20%)	Cấp cơ sở
8	Ứng dụng phần mềm Microsoft Access trong quản lý hồ sơ – văn bản tại Trung tâm Sáng tạo và Mô phỏng Lâm sàng nhằm nâng cao hiệu quả lưu trữ, tra cứu và phục	Lê Minh Nhân (20%) Châu Thị Kiều Chinh (20%) Nguyễn Thị Thu Thủy (20%)	Cấp cơ sở

	vụ công tác kiểm chuẩn SSH định kỳ	Nguyễn Như Quỳnh (20%) Nguyễn Thị Lan Anh (20%)	
9	Công khai Chuẩn đầu ra ngoại ngữ trên cổng Thông tin điện tử của Nhà trường.	Phan Nguyễn Thanh Vân (30%) Vương Thuận An (30%) Hồ Nguyễn Anh Tuấn (20%) Cao Quốc Hà (20%)	Cấp cơ sở
10	Chuyển đổi số quy trình tổ chức học lại/học cải thiện: Tăng hiệu quả quản lý, chia sẻ trách nhiệm và nâng cao trải nghiệm sinh viên.	Phan Nguyễn Thanh Vân (20%) Hồ Nguyễn Anh Tuấn (20%) Ung Nhật Phương (20%) Trần Quý Thành (20%) Thái Lê Minh Trí (20%)	Cấp cơ sở
11	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nâng cao hiệu quả học tập và hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.	Hà Thanh Đạt (20%) Nguyễn Minh Tài (20%) Lê Đặng Quốc Thái (20%) Đào Kim Khánh (20%)	Cấp cơ sở
12	Áp dụng chu vi vòng eo và tỷ số eo/chiều cao để ước tính phần trăm mỡ cơ thể và tình trạng thừa cân-béo phì của sinh viên và nhân viên trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.	Tăng Kim Hồng (55%) Hà Võ Vân Anh (30%)	Cấp cơ sở
13	Mở rộng tính năng, tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI Gemini) vào việc đọc dữ liệu hồ sơ khám sức khỏe cá nhân và hỗ trợ giải đáp dữ liệu sức khỏe cho khách hàng thông qua tương tác trao đổi hỏi đáp cá nhân hóa.	Trịnh Trung Tiến (30%) Vũ Mai Thiên Trang (25%) Phan Nguyễn Minh Thảo (25%) Đỗ Ngọc Hoan (20%)	Cấp cơ sở
14	Giải pháp quản lý tổng thể các minh chứng CME của nhân viên đang hoạt động khám, chữa bệnh tại Phòng khám thông qua trang web dưới hình thức cá nhân tự nhập minh chứng CME.	Trịnh Trung Tiến (20%) Vũ Mai Thiên Trang (20%) Phan Nguyễn Minh Thảo (20%) Trần Thị Phúc Anh (20%) Nguyễn Thị Bích Thảo (20%)	Cấp cơ sở
15	Số hóa công tác Báo cáo và Tổng hợp Hoạt động Công đoàn Bộ phận Phòng Khám Đa Khoa thông qua Hệ thống Thông tin Trực tuyến.	Vũ Mai Thiên Trang (20%) Đoàn Huy Khả (20%) Huỳnh Thị Kim Hoa (20%) Phan Nguyễn Minh Thảo (20%) Nguyễn Quỳnh Anh (20%)	Cấp cơ sở
16	Số hóa kết quả và hình ảnh chụp X-Quang tại phòng khám qua hệ thống PACS (hệ thống chẩn đoán hình ảnh), tiến tới không sử dụng phim X-Quang giúp giảm ảnh hưởng đến môi trường và giảm chi phí tiêu hao.	Võ Thành Liêm (20%) Trịnh Trung Tiến (20%) Lưu Đào Mary Lyna (20%) Trần Vũ Khải (20%) Nguyễn Thị Bích Thảo (20%)	Cấp cơ sở
17	Xây dựng và tổ chức hiệu quả khóa đào tạo "Cập nhật quản lý bệnh nhân có bệnh cơ xương khớp và các vấn đề sức khỏe tâm thần thường gặp ngoại trú".	Phạm Quốc Dũng (20%) Châu Văn Trở (20%) Trần Thị Hoa Vi (20%) Đào Nguyễn Thắng (20%) Nguyễn Thị Kim Quyên (20%)	Cấp cơ sở

18	Ứng dụng phương pháp đo FeNO trong quản lý bệnh hô hấp và tai mũi họng mạn tính tại PKĐK Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch.	Châu Văn Trở (20%) Võ Thành Liêm (20%) Trịnh Trung Tiến (20%) Nguyễn Thùy Châu(20%) Trần Ngọc Thanh (20%)	Cấp cơ sở
19	Dụng cụ Red-Green Bars tập điều trị ức chế 1 mắt.	Lê Tuấn Đức (100%)	Cấp cơ sở
20	Huấn luyện phụ huynh trong việc sử dụng công cụ AAC để can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ trong môi trường tự nhiên.	Phạm Quốc Dũng (20%) Châu Văn Trở (20%) Nguyễn Thị Ngọc Diễm (20%)	Cấp cơ sở
21	Xây dựng sân chơi phục vụ cho hoạt động vận động nhóm cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ.	Phạm Quốc Dũng (20%) Châu Văn Trở (20%) Nguyễn Thị Ngọc Diễm (20%) Nguyễn Thị Kim Cương (20%) Đỗ Thị Lưu Quỳnh (20%)	Cấp cơ sở
22	Vận dụng hiệu quả cơ chế CME cho công tác tổ chức "Hội nghị Khoa học Công nghệ lần thứ XVIII năm 2025 - Hội trường Da liễu".	Nguyễn Trọng Hào (20%) Châu Văn Trở (20%) Ngô Minh Vinh (20%) Trần Thị Hoa Vi (20%) Trần Lê Vy (20%)	Cấp cơ sở
23	Áp dụng phần mềm quản lý FIFO trong quản lý hóa chất tại Đơn vị Xét nghiệm- Phòng khám Đa khoa.	Nguyễn Thị Thu Hòa (25%) Ngô Hoàng Ngọc Thanh (25%) Đỗ Thị Thùy Linh (25%) Đỗ Thị Lưu Quỳnh (25%)	Cấp cơ sở
24	Phát triển công cụ đánh giá năng lực Giảng viên Điều dưỡng.	Đặng Trần Ngọc Thanh (30%)	Cấp cơ sở
25	Cải tiến hoạt động dạy – học sức khỏe sinh sản cho sinh viên điều dưỡng thông qua khảo sát kiến thức về thuốc tránh thai khẩn cấp.	Nguyễn Hồng Thắm (50%) Đỗ Thị Hà (50%)	Cấp cơ sở
26	Áp dụng kết quả nghiên cứu "Sự tuân thủ chế độ ăn kiêng và điều trị Lao nhạy của bệnh nhân Đái tháo đường type 2" vào giảng dạy ngành Cử nhân Điều dưỡng.	Phạm Dương Thanh Tâm (30%)	Cấp cơ sở
27	Triển khai mô hình học tập theo dự án trong môn Vi sinh an toàn thực phẩm nhằm nâng cao năng lực truyền thông và ứng dụng kiến thức chuyên môn của sinh viên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Nguyễn Thị Ngọc Lâm (100%)	Cấp cơ sở
28	Ứng dụng bài báo nghiên cứu "Khảo sát tình trạng gen HER2 trong nhóm carcinôm tuyến vú có HER2(2+) và các yếu tố liên quan" trong giảng dạy.	Đào Kim Khánh (60%) Lê Thiều Mai Thảo (40%)	Cấp cơ sở

29	Áp dụng phiên bản Tiếng Việt của thang đo Fall Prevention Activities để đo lường thực hành phòng ngừa té ngã của điều dưỡng và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và công tác điều dưỡng.	Đỗ Thị Hà (50%)	Cấp cơ sở
30	Áp dụng kết quả nghiên cứu "Chất lượng cuộc sống giai đoạn sau phẫu thuật của người bệnh ung thư tuyến giáp tại bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh" vào giảng dạy điều dưỡng.	Đỗ Thị Hà (50%)	Cấp cơ sở
31	Vận dụng trang Web Hỗ trợ tâm lý nhân viên y tế và cộng đồng sau đại dịch Covid-19 và các tình huống khẩn cấp, tương tự vào trong giảng dạy đối tượng cử nhân điều dưỡng.	Đỗ Thị Hà (50%) Lê Thụy Bích Thủy (50%)	Cấp cơ sở
32	Tích hợp nghiên cứu lâm sàng về sự ổn định huyết động và chất lượng tỉnh mê Desflurane trong phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa vào nội dung giảng dạy và kiểm định chương trình đào tạo đại học.	Phạm Vũ Ánh Nguyệt (50%) Phan Hoàng Trọng (20%)	Cấp cơ sở
33	Ứng dụng kết quả nghiên cứu mối liên hệ giữa tật khúc xạ và lé trong cải tiến hiệu quả khám, điều trị lé tại Bệnh viện Mắt Thành phố Hồ Chí Minh.	Trịnh Quang Trí (70%)	Cấp cơ sở
34	Cải tiến lựa chọn kỹ thuật phẫu thuật khúc xạ tối ưu: So sánh hiệu quả thị giác và sai lệch quang học giữa SMILE và Femto-LASIK tại Việt Nam.	Trịnh Quang Trí (40%)	Cấp cơ sở
35	Xây dựng hệ thống rút gọn liên kết tích hợp mã QR nâng cao bảo mật phục vụ chuyển đổi số tại Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch..	Võ Thành Liêm (90%)	Cấp cơ sở
36	Xây dựng website tổ chức hội nghị phục vụ hoạt động khoa học tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.	Võ Thành Liêm (40%) Huỳnh Ngọc Thắng (40%) Trần Kiên Dũng (20%)	Cấp cơ sở
37	Giải pháp kết nối không dây giữa hệ thống mạng Khu A2 và Khu B.	Trần Hoàng Dương (50%) Bùi Mạnh Sơn (50%)	Cấp cơ sở
38	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo "Kỹ thuật Phục hồi chức năng tại nhà" (Chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật cho đào tạo ngắn sau đại học)	Đào Thị Hiệp (30%) Võ Thành Liêm (25%)	Cấp cơ sở
39	Xây dựng và thực hiện tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc tế "Ứng dụng của chiết xuất NANO trong y học tái tạo" có báo cáo viên là người nước ngoài tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.	Phan Nguyễn Thanh Vân (20%) Bùi Đặng Minh Trí (20%) Vũ Thị Yến (20%) Hà Xuân Hương (20%) Nguyễn Ngọc Hà (20%)	Cấp cơ sở
40	Xây dựng và triển khai tổ chức thành công Tọa đàm "Tích hợp công nghệ số trong học tập và thực hành Y khoa - Máy tính bảng kết nối tri thức Y khoa" cho đối tượng sinh viên Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.	Phạm Quốc Dũng (20%) Bùi Đặng Minh Trí (20%) Vũ Thị Yến (20%) Hà Xuân Hương (20%) Nguyễn Đoàn Bảo Ngọc (20%)	Cấp cơ sở

41	Xây dựng chương trình đào tạo và tài liệu giảng dạy chuyên đề "Kỹ thuật đo và phân tích kết quả Hô hấp ký" dành cho nhân viên y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh.	Võ Văn Tính (50%) Hứa Nghĩa Thành (25%) La Mộng Thuý (25%)	Cấp cơ sở
42	Xây dựng chương trình đào tạo và tài liệu giảng dạy chuyên đề "Cấp cứu phản vệ và ngộ độc thuốc tê" dành cho nhân viên y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh.	Trần Đức Sĩ (50%) Nguyễn Thái Hằng (50%)	Cấp cơ sở
43	Áp dụng đánh giá thời điểm đọc đường kính vòng kháng nấm của trichophyton spp. trong kỹ thuật đĩa khuếch tán trên thạch.	Thạch Thị Diễm Phương (20%) Phạm Thị Thanh Vân (20%) Nguyễn Hoàng Chương (20%) Phan Tấn An (20%) Nguyễn Thị Thu Hòa (20%)	Cấp cơ sở
44	Mô hình áp dụng thử nghiệm và đánh giá chất lượng bộ câu hỏi trắc nghiệm được biên soạn mới thông qua hoạt động lượng giá trực tuyến cuối buổi học dành cho sinh viên	Đỗ Duy Anh (50%) Trần Ngọc Thanh (50%)	Cấp cơ sở
45	Phân tích bộ gen lục lạp thể của loài Callisia fragrans bằng kỹ thuật NGS	Võ Tấn Khang (40%)	Cấp cơ sở
46	Ứng dụng phần mềm Zipgrade trong chấm thi trắc nghiệm tại Bộ môn Giải phẫu	Hồ Nguyễn Anh Tuấn (30%) Cao Nguyễn Hoài Thương (30%) Nguyễn Dũng Tuấn (20%) Lê Quang Tuyền (20%)	Cấp cơ sở
47	Phương pháp nghiên cứu thần kinh vận động và bảo tồn các cấu trúc lớp nông.	Lê Quang Tuyền (70%) Nguyễn Thanh Tú (30%)	Cấp cơ sở
48	Ứng dụng chỉ số CAP trong FibroScan và tiêu chuẩn chẩn đoán gan nhiễm mỡ liên quan đến chuyển hóa (MAFLD) của APASL để dự đoán đợt cấp thường xuyên của bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (BPTNMT)	Trần Thị Khánh Tường (50%) Đoàn Lê Minh Hạnh (50%)	Cấp cơ sở
49	Ứng dụng giá trị CA 125 trong dự đoán kết cục ngắn hạn ở bệnh nhân suy tim	Phan Thái Hảo (100%)	Cấp cơ sở
50	Ứng dụng phân loại chảy máu BARC trong tiên lượng tử vong ngắn hạn ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp	Phan Thái Hảo (50%) Lê Thanh Bình (50%)	Cấp cơ sở
51	Ứng dụng thang điểm HEART trong dự đoán độ nặng hẹp mạch vành theo thang điểm SYNTAX ở bệnh nhân hội chứng mạch vành cấp không ST chênh lên	Phan Thái Hảo (50%)	Cấp cơ sở
52	Ứng dụng việc xác định tác nhân gây bệnh, tính đề kháng kháng sinh và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân cao tuổi nhiễm trùng huyết.	Hồ Sĩ Dũng (100%)	Cấp cơ sở
53	Áp dụng kết quả tỷ lệ không đạt được mục tiêu LDL-C và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân ngoại trú cao tuổi	Hồ Sĩ Dũng (20%) Cao Đình Hưng (20%) Nguyễn Đức Công (20%) Lê Phương Ngân (20%) Bùi Thị Cẩm Hiền (20%)	Cấp cơ sở

54	Ứng dụng suy yếu vào dự đoán độc lập đối với các kết cục bất lợi trung hạn ở người cao tuổi sau can thiệp mạch vành qua da tiên phát	Nguyễn Thế Quyền (70%) Nguyễn Trường Viên (30%)	Cấp cơ sở
55	Ứng dụng đặc điểm hình ảnh siêu âm trong chẩn đoán sarcôm tử cung	Huỳnh Quang Huy (50%)	Cấp cơ sở
56	Ứng dụng các đặc điểm hình ảnh cắt lớp vi tính trong chẩn đoán và tiên lượng bệnh nhân hoại tử đường tiêu hóa dưới do tắc mạch mạc treo	Nguyễn Thị Tuyên Trân (30%) Trần Hữu Hạng (30%) Âu Dương Mỹ Vân (20%) Phạm Thị Phương Thảo (20%)	Cấp cơ sở
57	Ứng dụng kết quả nghiên cứu điều trị phẫu thuật bệnh lý dị ứng khoang trung tâm vào thực tế lâm sàng	Trần Viết Luân (50%) Ngô Hồng Ngọc (50%)	Cấp cơ sở
58	Ứng dụng kết quả khảo sát dị nguyên đường thở ở bệnh nhân mắc bệnh lý dị ứng khoang trung tâm vào thực tế lâm sàng	Trần Viết Luân (50%) Ngô Hồng Ngọc (50%)	Cấp cơ sở
59	Ứng dụng kết quả nghiên cứu khảo sát sự tương quan và đồng thuận giữa bảng RSS-12 và bảng RSI ở bệnh nhân có triệu chứng trào ngược họng thanh quản vào thực tế lâm sàng	Trần Viết Luân (50%) Lý Phạm Hoàng Xuân (50%)	Cấp cơ sở
60	Ứng dụng adrenaline 1:1000 đặt tại chỗ trong phẫu thuật nội soi mũi xoang	Trần Viết Luân (45%)	Cấp cơ sở
61	Ứng dụng Google Apps Script để tự động hóa việc gửi email nhắc lịch giảng và thu nhận xác nhận từ giảng viên Bộ môn Nội tổng quát.	Mai Duy Linh (35%) Trương Thiện Ân (35%) Nguyễn Thị Nhung (30%)	Cấp cơ sở
62	Xây dựng và triển khai Hệ thống Quản lý Văn bản, Tài liệu và Tri thức trực tuyến tích hợp Trí tuệ nhân tạo (AI).	Võ Thành Liêm (20%) Võ Ngọc Thủy Tiên (20%) Trần Thị Lan (20%) Trương Tiến Sang (20%) Trần Kiên Dũng (20%)	Cấp cơ sở
63	Vai trò của MRI sọ não trên người bệnh lao não - màng não.	Nguyễn Đình Thắng (40%) Trần Thái Thụ (20%) Lê Thành Đạt (20%) Lâm Hồ Gia Phúc (20%)	Cấp cơ sở
64	Chẩn đoán lao phổi trong những trường hợp không điển hình: Ví dụ ca lâm sàng viêm động mạch Takayasu biến chứng lao phổi tổn thương không điển hình.	Nguyễn Đình Thắng (60%) Trần Thái Thụ (40%)	Cấp cơ sở
65	Phần mềm truyền tải và trao đổi thông tin về học tập và hỗ trợ người học của Khoa Y (Văn phòng học vụ trực tuyến của Khoa Y, gọi tắt Eoffice Khoa Y)	Nguyễn Tuấn Kiệt (20%) Trần Thị Lan (20%) Nguyễn Thị Bích Thủy (20%) Huỳnh Ngọc Phước (20%) Nguyễn Lê Đức Duy (20%)	Cấp cơ sở

66	Ứng dụng kết quả nghiên cứu mối liên quan giữa cffDNA trong xét nghiệm NIPT và kết cục thai kỳ của các sản phụ đến sanh tại Bệnh Viện Hùng Vương	Huỳnh Nguyễn Khánh Trang (30%)	Cấp cơ sở
67	Ứng dụng kết quả nghiên cứu tỷ lệ tiểu không kiểm soát và các yếu tố liên quan ở phụ nữ tiền mãn kinh tại Bệnh Viện Hùng Vương	Huỳnh Nguyễn Khánh Trang (25%)	Cấp cơ sở
68	Ứng dụng kết quả nghiên cứu Khảo sát sự khác biệt trong mất máu ở nhau tiền đạo có vết mổ cũ và không vết mổ cũ tại Bệnh viện Hùng Vương	Huỳnh Nguyễn Khánh Trang (25%)	Cấp cơ sở
69	Đánh giá độ ổn định của siro ho chứa cao dược liệu vỏ thân Núc nác (Oroxylum indicum (L.) Vent., Bignoniaceae)	Khưu Mỹ Lệ (20%) Nguyễn Đăng Thoại (20%) Tô Thị Thu Giang (20%) Phạm Hoàng Anh (20%) Lê Nhất Linh (20%)	Cấp cơ sở
70	Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của cao đặc quả Thanh long ruột đỏ (Hylocereus polyrhizus, Cactaceae) ứng dụng trong kiểm tra, đánh giá chất lượng đầu vào của chế phẩm từ dược liệu	Khưu Mỹ Lệ (80%) Nguyễn Thu Thảo (20%)	Cấp cơ sở
71	Tối ưu hoá quy trình chiết xuất lá Xạ đen (Ehretia asperula Zoll. & Mor, Boraginaceae) ứng dụng trong bào chế cao dược liệu	Khưu Mỹ Lệ (100%)	Cấp cơ sở
72	Đánh giá hoạt tính chống oxi hoá của cao đặc Tầm bóp (Hylocereus polyrhizus, Cactaceae) ứng dụng trong nghiên cứu bào chế thuốc dược liệu	Khưu Mỹ Lệ (100%)	Cấp cơ sở
73	Nghiên cứu xây dựng công thức bào chế viên nén ngậm Vitamin K2 50 microgram	Trần Thị Thanh Ngân (50%); Nguyễn Kim Thuận (50%)	Cấp cơ sở
74	Xây dựng quy trình định lượng kim loại nặng arsen, cadimi, chì, thủy ngân trong đông dược bằng phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử	Trương Quốc Kỳ (40%) Trần Thị Phương Anh (20%)	Cấp cơ sở
75	Áp dụng các kết quả nghiên cứu tối ưu hóa quy trình bằng phương pháp quy hoạch thực nghiệm vào giảng dạy học phần "tin học ứng dụng	Trương Quốc Kỳ(20%) Nguyễn Thị Xuân Thùy (20%) Nguyễn Mạnh Huy(20%) Lê Nhất Linh (20% Trần Thị Phương Anh(20%)	Cấp cơ sở
76	Tối ưu hóa quy trình chiết Triterpenoid và Polyphenol từ nấm Linh Chi đỏ (Ganoderma lucidum)" để giảng dạy một số nội dung trong học phần Tin học ứng dụng cho sinh viên dược năm thứ năm	Lê Nhất Linh (20%) Trương Quốc Kỳ (20%) Trần Thị Phương Anh (20%) Nguyễn Hà Phúc Tâm (20%) Nguyễn Thị Xuân Thùy (20%)	Cấp cơ sở

77	Khảo sát kiến thức và tuân thủ sử dụng thuốc trên bệnh nhân ung thư vú tại Bệnh viện Nhân dân Gia Định	Nguyễn Thế Anh (35%)	Cấp cơ sở
78	Phân tích tình hình sử dụng thuốc kháng sinh tại Bệnh viện Nhân dân Gia Định giai đoạn từ năm 2018-2022	Nguyễn Thế Anh (30%)	Cấp cơ sở
79	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh dự phòng tại Bệnh Viện Đa Khoa Vạn Hạnh năm 2022	Lê Thị Quý Thảo (40%) Nguyễn Huỳnh Thảo Vy (30%)	Cấp cơ sở
80	Ứng dụng thử nghiệm lựa chọn rời rạc trong việc đánh giá sự ưu tiên lựa chọn của thế hệ trẻ đối với vắc xin mới	Trần Vinh Quang (20%) Bùi Tùng Hiệp (20%) Võ Quang Trung (30%) Nguyễn Đăng Thoại (30%)	Cấp cơ sở
81	Giải pháp nâng cao nhận thức cộng đồng đối với việc sử dụng kháng sinh thông qua đánh giá mức độ ưu tiên lựa chọn	Trần Vinh Quang (20%) Võ Quang Trung (20%) Phan Nguyễn Thanh Vân (20%) Hồ Nguyễn Anh Tuấn (20%) Huỳnh Nguyễn Khánh Trang (20%)	Cấp cơ sở
82	Ứng dụng mô hình lớp tiềm ẩn trong phân tích kiến thức và thái độ của cộng đồng đối với việc sử dụng kháng sinh	Trần Vinh Quang (35%) Võ Quang Trung (35%) Nguyễn Đăng Thoại (30%)	Cấp cơ sở
83	Nâng cao hiệu quả điều trị suy tim thông qua phân tích thực trạng sử dụng thuốc tại một bệnh viện hạng I	Võ Quang Trung (40%) Trần Thị Bích Hiền (30%) Nguyễn Văn Pol (30%)	Cấp cơ sở
84	Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc trên người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại một bệnh viện hạng I	Võ Quang Trung (50%) Võ Văn Bảy (50%)	Cấp cơ sở
85	Ứng dụng kết quả phân tích chất lượng cuộc sống của người bệnh lọc thận giai đoạn cuối để đa dạng hóa ngân hàng câu hỏi và nguồn học liệu môn Dược xã hội học	Võ Quang Trung (50%) Võ Văn Bảy (50%)	Cấp cơ sở
86	Xây dựng bài tập nhóm môn Tin học ứng dụng cho sinh viên ngành Dược thông qua kết quả phân tích thực trạng sử dụng thuốc trên người bệnh suy tim phân suất tống máu giảm	Võ Quang Trung (50%) Võ Văn Bảy (50%)	Cấp cơ sở
87	Ứng dụng phân tích chi phí bệnh tật để đo lường gánh nặng kinh tế của người bệnh suy tim tại một bệnh viện quân y	Võ Quang Trung (40%) Trần Thị Bích Hiền (30%) Nguyễn Văn Pol (30%)	Cấp cơ sở
88	Bào chế và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của kem dưỡng da có nguồn gốc tự nhiên	Ông Nguyễn Hà Phúc Tâm (30%) Bà Nguyễn Thị Xuân Thuỳ (35%) Ông Trương Quốc Kỳ (35%)	Cấp cơ sở
89	Tạo kênh truyền thông chính thống trên mạng xã hội Facebook (Fanpage) do Phòng Công tác Học sinh Sinh viên trực tiếp quản lý	Ngô Thị Ngọc Ánh (100%)	Cấp cơ sở

90	Giải pháp điều trị cho bệnh nhân ung thư tuyến giáp biệt hóa thông qua xác định đột biến gen BRAF V600E	Phan Nguyễn Thanh Vân (50%) Bùi Đặng Minh Trí (50%)	Cấp cơ sở
91	Thiết kế và tổ chức hiệu quả chương trình "Đào tạo và Phát triển Giảng viên"	Đào Thị Thanh Bình (30%) Chế Hoàng Thái (20%) Hoàng Chi Mai (10%) Tô Hà Minh Triệu (20%) Trần Minh Anh (20%)	Cấp cơ sở
92	Ứng dụng kết quả khảo sát tính hợp lý và hiệu quả can thiệp của dược sĩ lâm sàng trong sử dụng thuốc giảm đau sau phẫu thuật.	Bùi Đặng Phương Chi (40%) Bùi Đặng Minh Trí (30%) Bùi Tùng Hiệp (30%)	Cấp cơ sở
93	Áp dụng phương pháp cải tiến nâng cao số lượng và chất lượng bài báo công bố quốc tế tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.	Ngô Minh Vinh (20%) Nguyễn Ngọc Minh (20%) Nguyễn Vũ Bằng (20%) Vũ Khắc Minh Đăng (20%) Nguyễn Hoàng Chương (20%)	Cấp cơ sở
94	Xây dựng và triển khai "Tuần lễ Văn hóa Sở hữu trí tuệ" tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.	Ngô Minh Vinh (20%) Nguyễn Ngọc Minh (20%) Nguyễn Vũ Bằng (20%) Vũ Khắc Minh Đăng (20%) Nguyễn Thị Đan Thanh (20%)	Cấp cơ sở
95	Ứng dụng phối hợp nhiều kỹ thuật mới trong 1 lần phẫu thuật điều trị toàn diện các biến dạng của mũi trên bệnh nhân dị tật mũi môi.	Lê Hoàng Vĩnh (40%) Trần Viết Luân (30%)	Cấp cơ sở
96	Giải pháp quản lý và nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập của Khoa Y tế công cộng.	Đặng Bảo Đăng (20%) Phạm Thị Ngọc Như (20%) Nguyễn Thị Trang (20%) Lê Hồng Hoài Linh (20%) Phùng Quang Vinh (20%)	Cấp cơ sở
97	Thang điểm chấm điểm quá trình thực tập Sức khỏe cộng đồng tại cộng đồng quận Gò Vấp của sinh viên Y đa khoa năm thứ 5.	Trần Vĩnh Tài (100%)	Cấp cơ sở
98	Xây dựng và Phát triển Kênh Thông tin Số Trực tuyến cho Công đoàn Bộ phận Phòng Khám Đa Khoa.	Vũ Mai Thiên Trang (20%) Đoàn Huy Khả (20%) Huỳnh Thị Kim Hoa (20%) Phan Nguyễn Minh Thảo (20%) Nguyễn Quỳnh Anh (20%)	Cấp cơ sở
99	Áp dụng kết quả nghiên cứu "Hiệu quả của phương pháp Peyton cải tiến huấn luyện kỹ năng thông tiểu cho sinh viên điều dưỡng." vào chương trình giảng dạy điều dưỡng.	Nguyễn Thị Minh Phương (50%) Đặng Trần Ngọc Thanh (25%) Phạm Dương Thanh Tâm (25%)	Cấp cơ sở
100	Áp dụng phương pháp Yoga cười nhằm giảm lo âu, căng thẳng của sinh viên điều dưỡng khi thực hành lâm sàng Điều dưỡng Cơ sở.	Nguyễn Bạch Thảo Nguyên (50%) Đặng Trần Ngọc Thanh (25%) Phạm Dương Thanh Tâm (25%)	Cấp cơ sở

101	Đổi mới giảng dạy phân tích kháng sinh đồ thông qua tích hợp dữ liệu thực tế về tình hình kháng kháng sinh của *Pseudomonas aeruginosa* trong đào tạo học viên chuyên khoa I, ngành kỹ thuật xét nghiệm y học.	Nguyễn Thị Ngọc Lâm (100%)	Cấp cơ sở
102	Áp dụng kết quả nghiên cứu "Kiến thức và kỹ năng xử trí phản vệ cho sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch".	Hồ Thị Nga (100%)	Cấp cơ sở
103	Áp dụng tổng quan tài liệu về tinh dịch người nhằm nâng cao hiệu quả trong thực hành giảng dạy học phần Mô học và Phôi thai học.	Phạm Ngọc Khôi (100%)	Cấp cơ sở
104	Ứng dụng xét nghiệm Gene Xpert MTB/RIF dịch rửa phế quản trong chẩn đoán lao phổi có AFB đàm âm tính.	Hồ Sĩ Dũng (50%) Lê Phương Ngân (50%)	Cấp cơ sở
105	Ứng dụng thang điểm APACHE II trong đánh giá mức độ nặng và tiên lượng tử vong ở bệnh nhân cao tuổi điều trị tại đơn vị chăm sóc tích cực.	Hồ Sĩ Dũng (100%)	Cấp cơ sở
106	Ứng dụng giá trị chẩn đoán suy yếu của thang đo suy yếu lâm sàng giản lược trên bệnh nhân cao tuổi được can thiệp mạch vành qua da tiên phát.	Nguyễn Thế Quyền (100%)	Cấp cơ sở
107	Ứng dụng khảo sát thiếu cơ và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân cao tuổi thoái hóa khớp gối.	Hàn Đức Đạt (40%) Hồ Sĩ Dũng (30%) Nguyễn Đức Công (30%)	Cấp cơ sở
108	Các dấu ấn tổn thương gan mới ở bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue người lớn ở Việt Nam: nghiên cứu bệnh chứng.	Nguyễn Phương Hải (60%)	Cấp cơ sở
109	Tỉ suất mới mắc của viêm gan hoạt động sau sinh ở phụ nữ mang thai nhiễm HBV mạn.	Phạm Trần Diệu Hiền (100%)	Cấp cơ sở
110	Tình hình đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Gram âm gây nhiễm khuẩn đường tiết niệu và ưu tiên lựa chọ kháng sinh cho bệnh nhân.	Nguyễn Lê Thuận (50%)	Cấp cơ sở
111	Ứng dụng kỹ thuật mở khí quản xuyên da nong.	Lê Phương Ngân (70%) Lai Nghi Quyến (30%)	Cấp cơ sở

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ NGHIỆM THU

(Ban hành kèm theo Quyết định 2699 /QĐ-TĐHTKPNT ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	Tên đề tài nghiên cứu khoa học	Tác giả/ đồng tác giả	Tham gia nghiên cứu	Số Quyết định/ Chứng nhận	Phạm vi ảnh hưởng
1	Đề án Đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Y tế	Phan Nguyễn Thanh Vân (20%)	Đặng Trần Ngọc Thanh (10%) Đặng Thị Thùy Linh (10%) Nguyễn Thế Dũng (10%) Hồ Nguyễn Anh Tuấn (10%) Trần Tiến Tài (10%) Trần Thị Thanh Vy (10%) Nguyễn Ngọc Minh (5%) Phạm Hiếu Liêm (5%) Lâm Thị Thu Tâm (5%) Phan Thị Mỹ Trinh (5%)	QĐ Số: 1860/QĐTĐH YKPNT ngày 24/5/2024 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Số đăng ký: 2024-1790 (Sở KHCN-TPHCM)	Cấp cơ sở
2	Nhiễm Streptococcus pneumoniae ở trẻ em: khảo sát đặc điểm lâm sàng và sự đa dạng tuýp huyết thanh, gen độc lực và gen đề kháng kháng sinh của chủng	Ngô Minh Xuân		Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Số đăng ký: 2025-1824 (Sở KHCN-TPHCM)	Cấp cơ sở
3	Nghiên cứu chế tạo exosome từ tế bào gốc trung mô ứng dụng trong chống lão hoá da	Trần Công Toại (20%)	Huỳnh Duy Thảo (20%) Trương Quốc Kỳ (20%) Ngô Minh Vinh (20%) Châu Văn Trở (5%) Nguyễn Thanh Bình (5%) Trương Công Hoà (3%) Nguyễn Hữu Ngọc Tuấn (3%) Nguyễn Thị Phương Thúy (2% Nguyễn Thị Ngọc Vạn (2%)	Quyết định số: 1366/QĐ-TĐHYKPNT ngày 15/4/2025 (Đề tài Nhóm nghiên cứu nòng cốt)	Cấp cơ sở

4	Khảo sát kỹ năng đo huyết áp của sinh viên Y khoa năm 3, năm học 2023-2024 trường Đại học y khoa Phạm Ngọc Thạch (ĐHYKPNT)	Nguyễn Ngọc Phương Thư	Bùi Phan Quỳnh Phương Cao Thị Ngọc Bích	Quyết định Số: 4521/QĐ-TĐHYKPNT ngày 14/11/2024	Cấp cơ sở
5	Đề tài "Lo âu, trầm cảm và các yếu tố liên quan ở sinh viên của các Trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023"	Châu Văn Trở	Lê Hồng Hoài Linh Bùi Hồng Cẩm Huỳnh Thanh Tân Nguyễn Tuấn Đạt	Quyết định Số: 1746/QĐ-TĐHYKPNT ngày 16/5/2025	Cấp cơ sở
6	Thực trạng đau bụng kinh nguyên phát và phương pháp giảm đau bụng kinh ở sinh viên cử nhân điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Đặng Trần Ngọc Thanh Việt Thị Minh Trang	Tạ Thị Hồng Vân Võ Thị Tám	Quyết định số: 2389/QĐ-TĐHYKPNT ngày 10/7/2025	Cấp cơ sở
7	Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo các ngành tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch theo chuẩn AUN-QA.	Lê Văn Tỉnh Cao Nguyễn Hoài Thương	Lâm Thị Thu Tâm Hồ Thị Trúc Phương Hồ Nguyễn Anh Tuấn	Quyết định số: 215/QĐ-TĐHYKPNT ngày 17/1/2025	Cấp cơ sở
8	Áp dụng kết quả nghiên cứu thực trạng đánh giá năng lực của sinh viên cử nhân điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch vào điều chỉnh phương pháp lượng giá giảng dạy học phần Nghiên cứu Khoa học (đối tượng cử nhân điều dưỡng)	Hồ Thị Nga		Quyết định số: 4016/QĐ-TĐHYKPNT ngày 27/10/2023	Cấp cơ sở
9	Nghiên cứu chất lượng và các yếu tố liên quan đến giấc ngủ sinh viên Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Trần Đức Sĩ	Nguyễn Thái Hằng Trần Cao Thịnh Phước	Quyết định số: 3375/QĐ-TĐHYKPNT ngày 09/9/2024	Cấp cơ sở
10	Xác nhận giá trị sử dụng của hệ thống định danh và kháng sinh đồ tự động trong xét nghiệm vi khuẩn tại bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Minh Hà		Quyết định Số: 1026/QĐ-NTP ngày 09/10/2024	Cấp cơ sở

11	Xây dựng quy trình gây ứ mỡ tế bào HepG2 bằng valproic acid.	Nguyễn Hưng Thịnh	Nguyễn Hữu Ngọc Tuấn	Quyết định số: 2653/QĐ-TĐHYKPNT ngày 24/7/2025	Cấp cơ sở
12	Mối tương quan giữa nhiễm mỡ gan và xơ hóa gan với độ dày lớp nội trung mạc động mạch cảnh và mảng xơ vữa động mạch cảnh ở bệnh nhân gan nhiễm mỡ không do rượu	Trần Thị Khánh Tường	Huỳnh Minh Đức Tống Nguyễn Diễm Hồng	Quyết định Số: 3378/QĐ-TĐHYKPNT ngày 09/9/2024	Cấp cơ sở
13	So sánh giá trị thang điểm CADILLAC và GRACE trong tiên lượng biến cố tim mạch chính nội viện ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp ST chênh lên được can thiệp mạch vành tiên phát	Phan Thái Hảo		Quyết định Số: 650/QĐ-TĐHYKPNT ngày 28/2/2025	Cấp cơ sở
14	Khảo sát hiệu quả điều trị kháng sinh dự phòng ối vỡ non tuổi thai 28-34 tuần tại Bệnh viện Hùng Vương	Nguyễn Xuân Vũ Nguyễn Thị Kim Oanh		Quyết định Số: 6257/QĐ-BVHV ngày 31/10/2024	Cấp cơ sở
15	Mối liên quan giữa độ dày nội mạc tử cung trên 12mm với thất bại điều trị trong điều trị Methotrexate đơn liều ở thai ống dẫn trứng tại Bệnh viện Hùng Vương	Nguyễn Xuân Vũ Lê Phạm Thảo Vy		Quyết định Số: 780/QĐ-BVHV ngày 14/2/2025	Cấp cơ sở
16	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả phẫu thuật u tuyến cận giáp lành tính.	Nguyễn Văn Việt Thành Tôn Thất Hùng		Quyết định Số: 1047/QĐ-BVBD ngày 05/6/2025	Cấp cơ sở
17	Xây dựng và kiểm định thang do sự hài lòng của sinh viên Y khoa về giảng bài trực tuyến tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Nguyễn Ngọc Vân Phương	Lê Huỳnh Thảo My Nguyễn Đức Quỳnh Vy	Quyết định Số: 121/QĐ-TĐHYKPNT ngày 14/1/2025	Cấp cơ sở

Ghi chú: *Các đề tài không có ghi tỉ lệ % là các tác giả có đóng góp từ 20% trở lên.*